

PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM, THANH TỊNH, BÌNH ĐẲNG, GIÁC KINH

Phúc giảng lần thứ ba: Cô Lưu Tổ Vân

Thời gian: 17/04/2024

Địa điểm: Tiểu viện Lục Hòa

Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Tập 24

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người. A-di-đà Phật. Chúng tôi tiếp tục nói về “mười niệm”. Hoàng Niệm lão đã kể cho chúng ta một câu chuyện như sau:

Ngài có người bạn họ Vương, là một thầy thuốc Đông y nổi tiếng ở tỉnh Giang Tô, cũng là một Phật tử rất kiên thành. Em trai của ông là công tử nhà giàu, sống phóng đãng, mắc bệnh từ khi còn trẻ. Lúc lâm chung, tướng địa ngục hiện tiền, vô cùng kinh sợ, cầu xin anh trai cứu mình. Người anh nói: “Hầu mau niệm Phật!” Và mời rất nhiều người đến cùng trợ niệm, bản thân người bệnh cũng niệm theo. Cuối cùng, tướng địa ngục biến mất, anh ấy được vãng sanh. Người em ấy lúc mẹ mất đã từng niệm Phật, đến lúc lâm chung nhìn thấy địa ngục, còn có thể nói không tin sao? Chớp mắt một cái, chính mình ở trong chảo dầu, có muốn trốn thoát hay không, cho nên lúc đó anh đã niệm Phật một cách chân thành. Sau khi niệm được một lúc, anh nói: “Địa ngục không còn nữa, Phật đã đến đón.” Thế là anh ấy liền đi theo Phật.

Có người hỏi, trong nguyên này là “chí tâm tin ưa, cho đến mười niệm”. Quán kinh cũng nói: “Chí tâm như vậy, khiến âm thanh không dứt, đầy đủ mười niệm.” “Chí tâm” này rốt cuộc là tâm như thế nào? “Mười niệm” rốt cuộc là niệm như thế nào? Đối với câu hỏi này, dẫn lời của đại sư Cưu-ma-la-thập là thích hợp nhất. Đại sư đã đưa ra một ví dụ:

Ví dụ có một người ở giữa đồng hoang, gặp phải giặc cướp, không tìm được ai để cầu cứu, kẻ cướp cầm dao và súng định giết người. Người này liều mạng chạy về phía trước, thế nhưng trước mắt lại có một con sông chắn đường, buộc phải qua sông. Khi vượt sông, người này chỉ có một suy nghĩ: “Mình mặc quần áo lội qua thì bơi không tiện; cởi quần áo, ôi, lại sợ không kịp.” Lúc đó người ấy chỉ nghĩ duy nhất một việc là làm sao qua sông. Cởi quần áo hay không cởi quần áo, không có suy nghĩ nào khác. Anh ta sẽ không nghĩ: “Mình còn hai chục ngàn tiền nợ, người ta

chưa trả cho mình, làm sao để đòi nợ đây.” Lúc này trong tâm chỉ có một ý niệm “qua sông”, không có bất kỳ ý niệm nào khác. Nếu lúc niệm Phật cũng giống như người này, trong tâm chỉ có một câu Phật hiệu, không có bất kỳ tạp niệm nào khác, đây chính là “chí tâm”. Cứ như vậy, niệm liên tục mười câu Phật hiệu, chính là “mười niệm”.

Nếu có thể đạt được “chí tâm” như đại sư Cưu-ma-la-thập nói, thì trong mỗi niệm đều có hết thảy công đức vô biên. Một chính là tất cả. Bạn buông xuống vạn duyên, mọi ô nhiễm đều không còn, đây là “không trụ vào đâu”; nhưng trong tâm bạn, một câu Phật hiệu đầy đủ vạn đức vẫn sáng rõ mồn một, tiếp nối không ngừng, đây là “sinh tâm”. Như vậy, điều để “vô trụ sinh tâm” trong kinh Kim Cang ngay lúc niệm Phật liền thâm hợp đạo màu, tự nhiên đạt được. Công đức của “vô trụ sinh tâm” không thể nghĩ bàn. Chỉ cần bạn thật thà, miên mật niệm Phật, tự nhiên sẽ “thâm hợp đạo màu”. Trong mỗi niệm của bạn đều có thể lìa niệm, đạt đến “niệm mà không niệm”. Do đó nói, dùng tâm phàm phu để vào thật tướng các pháp thì chỉ có tri danh và tri chú là dễ dàng nhất. Đây chính là thâm hợp đạo màu, khéo nhập vô sinh.

Thế nên đại sư Liên Trì nói: Mười niệm của kẻ ngu nghịch thập ác lúc lâm chung trong Quán kinh nói, mỗi niệm đều là lý nhất tâm, cho nên mỗi niệm đều tiêu 80 ức kiếp trọng tội sanh tử. Bạn hãy nghĩ xem, 80 ức kiếp là thời gian dài đến cỡ nào? Trọng tội sanh tử là tội gì? Trong thời gian 80 ức kiếp dài như vậy, tất cả trọng tội sanh tử đã phạm, niệm một câu Phật hiệu liền tiêu diệt, đây là diệu dụng không thể nghĩ bàn đến mức nào! Đại sư Liên Trì được xưng là hóa thân của Di-đà. Khi đạt đến lý nhất tâm, tự nhiên có thể phá vô minh, thấy pháp thân, công đức không thể nghĩ bàn.

Pháp môn Tịnh độ rất bình thường, trong Tịnh Ngữ của Hạ Liên lão nói: “Đạo ở chỗ bình thường, tiếc rằng anh chưa hiểu.” Đạo lớn nằm ngay trong sự bình thường, đáng tiếc là mọi người không biết, cứ thích những thứ huyền diệu, không biết rằng càng tìm cầu huyền diệu thì cách đạo càng xa. Thật thà niệm Phật, thâm hợp đạo màu, tự nhiên có thể “từ sự trì đạt đến lý trì, tức tâm phàm thành tâm Phật”. Trong một tiếng niệm Phật này đã hàm nhiếp “nên không trụ vào đâu mà sinh tâm” trong kinh Kim Cang Bát-nhã, mười niệm ẩn mật trong kinh Di-lặc Phát Ván, cho đến vô biên công đức thù thắng của Thiên, Mật, Giới, Định.

“Mười niệm ăn mật” là pháp mà Bồ-tát Sơ địa trở lên mới có thể đầy đủ. Do đó, dùng tâm sanh diệt của phàm phu để vào thật tướng các pháp thì chỉ có tri danh và tri chú là dễ dàng nhất. Vì sao niệm Phật lại có công đức thù thắng như vậy? Bởi vì niệm Phật là thâm hợp với thật tướng.

“*Chỉ trừ kẻ ngu nghịch, phỉ báng chánh pháp.*” Trong Quán kinh nói: Kẻ ngu nghịch cũng có thể vãng sanh, nhưng trong kinh này lại thêm một tội nữa là “phỉ báng chánh pháp”, cho nên không thể vãng sanh. “Phỉ báng”, phỉ và báng có ý nghĩa như nhau, tức là nói tội ác của người khác vượt quá sự thật, đó gọi là “báng”. Nói xấu người khác, thêm thất cảnh lá, vượt quá sự thật, thì trở thành “báng”. Nếu điều bạn phỉ báng là Phật pháp, là các vị đại đức thì tội của bạn cực lớn. Do vậy, kẻ ngu nghịch có thể vãng sanh, nhưng nếu thêm tội báng chánh pháp thì không thể vãng sanh.

Lại có người đặt câu hỏi: Kẻ ngu nghịch nhưng không báng chánh pháp có thể vãng sanh, vậy chỉ báng chánh pháp mà không phạm ngũ nghịch thì có thể vãng sanh không? Người thông thường sẽ nghĩ: chỉ là miệng nói, viết bài mà thôi, không có các trọng tội như giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, vậy chắc cũng có thể vãng sanh? Nghĩ sai hoàn toàn, không được! Đây là lời của nhị tổ - đại sư Đàm Loan. Ngài lại nói: Khi thế giới này bị hủy diệt, có một vụ nổ lớn, địa ngục cũng trống không. Những người phạm ngũ nghịch thập ác, đã vào địa ngục A-tỳ cũng đều được phóng thích. Nhưng những người báng pháp, khi gặp tình huống như vậy vẫn không được phóng thích, mà phải chuyển sang địa ngục ở thế giới khác để chịu tội.

Vì sao tội phỉ báng chánh pháp lại nặng như vậy?

Đại sư Đàm Loan đã khai thị rất hay: Những người phạm tội ngũ nghịch vì sao lại phạm tội ngũ nghịch? Là do họ không biết chánh pháp. Nếu họ biết nhân quả báo ứng, biết làm thiện được phước, làm ác phải chịu báo ứng thì họ sẽ cầu giải thoát, giải trừ tham sân si. Một khi đã nghe đến chánh pháp, họ sẽ không phạm tội ngũ nghịch. Vì vậy, nguồn gốc của tội ngũ nghịch chính là do không có chánh pháp. Cho nên nói, nếu họ báng chánh pháp thì tội này của họ nặng hơn tội ngũ nghịch.

Đại sư Thiện Đạo nói người phạm tội ngũ nghịch và phỉ báng chánh pháp không thể vãng sanh là vì Phật răn đe để mọi người đừng phạm tội này. Nếu đã phạm tội này mà thật lòng sám hối, Phật vẫn nhiếp thọ người đó vãng sanh Tịnh độ. Tuy nhiên, sau khi vãng sanh thì người ấy sẽ gặp ba chương ngại trong hoa sen:

1. Không được thấy Phật và các thánh chúng.
2. Không được nghe chánh pháp.
3. Không được trải qua việc cúng dường chư Phật.

Ngoài những điều này ra, không còn khổ nào khác. Trong sách Hợp Tán nói: cách nói này là đối với những người chưa tạo tội này, nhằm khởi tác dụng ngăn ngừa họ làm điều ác mà thôi. Còn nếu đã tạo tội này mà có thể sám hối hướng thiện, nhất tâm niệm Phật, Phật vẫn nhiếp thủ người đó. Có thể thấy, đại nguyện của Di-đà nhiếp lấy người thuộc mọi căn cơ, không có cùng tận.

Cách nói của Vãng Sanh Luận Chú và Quán Kinh Sớ ở trên dường như có chút mâu thuẫn. Thực ra thì hai cách nói này có thể dung thông. Cách nói trong Luận Chú phù hợp với ý “ngăn ngừa điều ác” của Như Lai, khuyên răn mọi người phải cẩn trọng, tuyệt đối không được phi báng pháp. Trong Luận cũng nói: kẻ ngu si như vậy đã phi báng Tịnh độ thì có lý nào nguyện sanh về cõi Phật? Thế nên nói, kẻ ngu nghịch và báng pháp không thể vãng sanh. Còn cách nói trong Quán Kinh Sớ thì lại thể hiện bi nguyện vô tận của Di-đà.

Người phạm ngũ nghịch và báng pháp, nếu quả thực lúc lâm chung có thể niệm Phật, sám hối phát tâm thì vẫn có thể vãng sanh. Tuy nhiên, những người như vậy thì trong hàng tỉ người cũng khó có được một hai người. Cho nên hai cách nói này có thể cùng tồn tại.

Đại sư Thiện Đạo đã chọn ra năm nguyện chân thật trong 48 nguyện. Trong năm nguyện đó, nguyện thứ mười tám là cốt lõi nhất. Do vậy trong sách Sự Tán nói: Mỗi nguyện trong 48 nguyện đều là diễn giải mở rộng của nguyện thứ mười tám. Sách Chân Giải đã kế thừa cách nói của đại sư Thiện Đạo. Trong Chân Giải nói: Tuy 48 nguyện rất rộng, nhưng đều quy về nguyện thứ mười tám. Nguyện này chính là nhiếp thọ chúng sanh đều thành Phật, đều có thể chúng nhập biển thệ nguyện vô lượng quang thọ, sáu chữ hồng danh khiến khắp tất cả chúng sanh cùng thành Phật đạo.

Nguyện thứ mười tám chủ trương tín, nguyện, trì danh. Danh hiệu là gì? Danh hiệu chính là thật đức mà Phật đã chứng. Đại sư Ngẫu Ích nói: Một câu “Nam-mô A-di-đà Phật” chính là pháp Vô thượng chánh đẳng chánh giác mà bốn sư Thích-ca Mâu-ni Phật đã chứng trong đời ác năm trước. Mật tông nói: “Âm thanh và văn tự

đều là thật tướng.” Kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: “Hết thấy sự rốt ráo kiên cố.” Cho nên nói, đất nước lửa gió hư không đều là tánh đức, vọng tức là chân. Bởi vì âm thanh và văn tự đều là thật tướng, cho nên danh hiệu chính là Phật đức, công đức của nguyện “mười niệm ắt sanh” không thể nghĩ bàn.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

Khi con thành Phật, chúng sanh mười phương, nghe danh hiệu con, phát tâm bồ-đề, tu các công đức, phụng hành sáu ba-la-mật, kiên cố không thoái chuyển, lại đem thiện căn tu được hồi hướng, nguyện sanh về nước con, nhất tâm niệm con, ngày đêm không gián đoạn.

Đây là nguyện thứ 19: nguyện nghe danh phát tâm.

Khi con thành Phật, tất cả chúng sanh trong mười phương thế giới, nghe đến danh hiệu của con, đều phát khởi tâm bồ-đề thù thắng siêu việt. Đã phát tâm bồ-đề thì phải có đại hạnh. Do đó siêng năng tu tập mọi loại công đức, nương theo lời Phật dạy, kiên định tinh tấn tu tập lục độ, không sợ bất kỳ thử thách trở ngại nào, tự tâm kiên cố quyết không thoái chuyển. Hơn nữa, đem tất cả thiện căn đã tu được đều hồi hướng về Tịnh độ, nguyện sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc. Giữ tâm chuyên nhất, trì niệm Phật hiệu, ngày và đêm đều không gián đoạn. Tu trì như vậy chắc chắn được quả thù thắng tiếp dẫn vãng sanh.

Trọng điểm của nguyện này là phát tâm, “phát tâm bồ-đề, nhất hướng chuyên niệm” là cương lĩnh và tông chỉ của kinh này, được nhắc đến nhiều lần trong kinh. Để mọi người có thể hiểu sâu hơn, nên mỗi chỗ đều cần tập hợp những khai thị thù thắng của đại đức xưa và trong kinh luận để làm chú thích. Ví như Lô Sơn, “nhìn ngang thành dãy, nhìn nghiêng thành ngọn, xa gần cao thấp, chỗ thấy chẳng đồng”. Thế nên, trích dẫn rộng lời của các nhà chỉ để giới thiệu một Lô Sơn hoàn chỉnh. Tuy nhiên tâm bồ-đề thắng nghĩa lại không phải là điều mà lời lẽ và tâm phân biệt có thể hiểu được. Mọi lời trong chú giải chỉ là ngón tay chỉ mặt trăng mà thôi.

Tâm bồ-đề là tâm do đại bi, đại nguyện và đại trí tuệ kết thành một thể. Ví như đèn dầu, phải có bắc, dầu và ánh sáng mới thành đèn sáng. Công đức của việc phát tâm bồ-đề không thể nghĩ bàn, kinh nói: “Vừa mới phát tâm thì thành Chánh giác.” Ví như chim non ca-lăng-tần-già vẫn chưa ra khỏi vỏ, nhưng tiếng kêu của nó phát ra đã vượt hơn các loài chim khác. Chúng sanh mười phương vừa nghe danh

hiệu Di-đà, liền phát khởi tâm bồ-đề, đây quả thật là ân đức vô thượng, từ lực vô thượng của A-di-đà Phật.

“Phát tâm bồ-đề.” Sư Nguyên Hiểu trong sách Tông Yếu nói có hai loại tâm bồ-đề:

1. Tùy sự phát tâm.

Còn gọi là tâm bồ-đề duyên sự, Mật tông gọi là tâm bồ-đề hạnh nguyện. Tùy sự phát tâm là một với tứ hoằng thệ nguyện. “Phiền não vô biên thệ nguyện đoạn” là chánh nhân cho đoạn đức của Như Lai; “pháp môn vô tận thệ nguyện học” là chánh nhân cho trí đức của Như Lai; “chúng sanh vô biên thệ nguyện độ” là chánh nhân cho ân đức của Như Lai. Do đó, đoạn đức, trí đức và ân đức, kết hợp lại chính là quả vô thượng bồ-đề; “bồ-đề vô thượng thệ nguyện chứng”. Ba tâm đoạn đức, trí đức và ân đức trên chính là nhân của vô thượng bồ-đề. Từ diệu nhân sẽ kết thành diệu quả vô thượng bồ-đề của Như Lai. Trong hoa sen, đài sen mới kết và đài sen chín sau khi hoa rụng, tuy đều là một quả sen, nhưng sơ sinh và chín muồi vẫn có sự khác biệt lớn. Tuy vậy, tất cả những gì có trong đài sen chín đều đến từ quả non ban đầu, do đó những gì chứa đựng lúc chín cũng chính là những gì đã có lúc ban sơ.

Trong kinh nói: “Cả hai thứ phát tâm và rốt ráo không khác biệt, hai tâm như vậy, tâm đầu khó phát hơn, bản thân chưa độ mà đã độ người, thế nên tôi lễ người sơ phát tâm”. Mọi người cần biết, người sơ phát tâm, bản thân vẫn chưa được độ, nhưng lại đi độ thoát kẻ khác trước. Bản thân vẫn còn trong biển khổ, nhưng lại đi cứu người trước, cho nên nói sơ phát tâm khó hơn. Trong thời mạt pháp, trong tình hình tà thuyết hỗn loạn, các ma lộng hành, bạn có thể phát tâm Chánh giác, quả thật không dễ dàng. Trong phiền não trước như vậy, có thể phát tâm bồ-đề thì cũng giống như hoa sen sanh ra trong lửa, “thế nên tôi lễ người sơ phát tâm”.

2. Thuận lý phát tâm.

Còn gọi là tâm bồ-đề duyên lý, Mật tông gọi là tâm bồ-đề thắng nghĩa. “Thắng nghĩa” chỉ cho đệ nhất nghĩa đế. Trong sách Tông Yếu nói: Trước hết phải tin và hiểu rằng, tất cả các pháp đều như từ ảo thuật mà hiện ra, như những gì thấy trong giấc mơ. Kinh Kim Cang nói: “Hết thấy pháp hữu vi, như mộng huyễn bọt bóng”. Phải thật sự tin rằng các pháp đều giống như mộng huyễn. Có một số người tuy hiểu đạo lý, nhưng họ không thật sự tin. Lại còn tin rằng “không phải có, chẳng phải

không”, người thông thường nếu không chấp vào bên “có” thì cũng chấp vào bên “không”. Trong kinh nói: “Phật nói các pháp là không, là để trừ cái có, nếu lại chấp vào không, chư Phật chẳng thể độ”. Phật nói các pháp đều là “không” là vì chúng sanh chấp “có”, Phật mới nói là “không”. Nếu bạn vì thế mà chấp vào “không” thì chư Phật cũng không thể nào độ được bạn. Do vậy, Phật pháp là “không phải có, chẳng phải không”, không rơi vào hai bên “không” và “có”.

Tâm kinh nói: “Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc”, chỉ khi không rơi vào hai bên thì mới có thể hiển rõ chân đế. Chân đế là gì? Chính là lìa lời nói, bất suy tư. Cần phải lìa khỏi lời nói, đoạn dứt suy nghĩ. Cho nên, “cần phải trừ hết tâm có sở đắc thì mới có thể đạt đến chỗ bất khả đắc”. “Chỗ bất khả đắc” chỉ cho nơi mà tâm hành của chúng sanh không thể đạt tới. Thường nói “dứt lối tâm hành” cũng cùng một ý nghĩa. Hành xứ của tâm cũng chính là nơi tư duy suy nghĩ có thể đạt tới. Mọi người làm thế nào mới có thể đạt đến chỗ bất khả đắc? Chính là phải trừ sạch cái “tâm có sở đắc” của bạn. Thế nên Tâm kinh nói: “Vì không có sở đắc, nên xa lìa điên đảo mộng tưởng, đạt đến niết-bàn rốt ráo”. Phải chứng được “vô sở đắc” trước thì mới có thể xa lìa điên đảo mộng tưởng, chứng niết-bàn rốt ráo, thành Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Người tu hành thông thường luôn có mong cầu, có người cầu vợ, cầu con, cầu phú cầu quý, cầu cát tường, cầu trường thọ. Người khá hơn một chút thì mong đắc định, đắc thần thông, muốn có trí tuệ, muốn thuyết pháp lợi sanh, muốn khai ngộ, muốn trở thành cái này cái kia, v.v.. Tóm lại, tất cả những điều này đều là tâm có sở đắc, đều ở trong tư duy suy nghĩ. Thêm vào đó, họ chỉ ưa bàn chuyện cao siêu, dẫu hay đến đâu cũng chỉ là tương tự bát-nhã mà thôi. Do vậy kinh nói: Trong thời mạt pháp, người tu hành nhiều như lông bò, người đắc đạo chỉ như sừng lân.

Do vậy mọi người nên “lìa lời nói, bất suy tư”. Tuy không thấy có phiền não, thiện pháp, nhưng cũng không bài trừ có phiền não cần đoạn, có thiện pháp cần tu, như vậy mới phù hợp với trung đạo. Phật pháp chẳng phải nói là “không có”, mà là “không thấy”. Không thấy điều gì? Chỉ là không thấy sự phân biệt của người khác. Nếu chỉ chấp có thiện pháp để tu, có phiền não để trừ, thì chính là chấp vào bên “có”. Ngược lại, nếu không có gì để đoạn, chẳng có gì để tu, thì lại chấp vào bên “không”. Phật pháp chân chánh là tuy không thấy phiền não và thiện pháp, song không ngại

vẫn có phiền não cần đoạn, thiện pháp cần tu. Điều này phù hợp với diệu lý trong kinh Kim Cang: “Không có chúng sanh nào để độ, nhưng vẫn cả ngày độ sanh.”

“Tuy nguyện đều đoạn đều tu, nhưng không trái với Vô nguyện tam-muội; tuy nguyện đều độ vô lượng hữu tình, song không có người độ và kẻ được độ, thế nên có thể tùy thuận với không, vô tướng.” Điều này có nghĩa là, tuy vẫn nguyện đoạn tận phiền não, tu hết thiện pháp nhưng không trái với Vô nguyện tam-muội; tuy nguyện độ hết tất cả chúng sanh nhưng trong tâm không có cái “ta” độ người và “người” được độ, như vậy mới không rơi vào hai bên, tùy thuận với Không tam-muội, tùy thuận với Vô tướng tam-muội. Không, vô tướng, vô nguyện được gọi là tam tam-muội, còn gọi là ba cửa giải thoát.

Thế nhưng người thông thường đều hiểu lệch lạc về không và vô tướng, trở thành “ngao không.” Xem “vô” trong “vô tướng” thành không có, xem thành lông rùa sừng thỏ, rơi vào kiến giải đoạn diệt. Kinh Kim Cang nói: “Diệt độ vô lượng vô số vô biên chúng sanh như vậy, nhưng thật không có chúng sanh nào được diệt độ.” Tâm như vậy không thể nghĩ bàn, công đức phát khởi tâm này cũng không thể nghĩ bàn. Đây chính là phát tâm bồ-đề thuận lý.

Người tùy sự mà phát tâm, nếu gặp phải duyên gây thoái chuyển thì có thể thoái thất bản nguyện, đây là một khuyết điểm. Ví dụ tôn giả Xá-lợi-phất, ban đầu ngài phát tâm bồ-đề, đã tu đến Lục trụ, chỉ cần tiến thêm một bước nữa, tu đến Thất trụ thì sẽ không thoái chuyển. Khi ấy ngài gặp một người đến xin ngài con mắt để phối thuốc trị bệnh. Tôn giả liền khoét một con mắt đưa cho họ. Không ngờ người đó nói: “Mắt trái nhầm với mắt phải, không thể làm thuốc được”, thế là ngài lại khoét con mắt còn lại đưa cho họ. Người đó nhận lấy con mắt, dùng mũi ngửi một cái rồi nói: “Con mắt này hôi”, xong ném xuống đất và dùng chân giẫm nát.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghĩ: “Hành trì theo Đại thừa, ta làm không nổi. Thôi bỏ đi, ta không độ người nữa, hãy tự độ mình vậy.” Tôn giả đã thoái tâm. Do đó, nương sự mà phát tâm thì có thể thoái chuyển, ngài Xá-lợi-phất là một ví dụ. Thuận lý mà phát tâm thì không thoái chuyển. Bởi vì cái được thuận là lý, nên không có nhân thoái chuyển. Đây là tâm mà người có tánh Bồ-tát mới có thể phát khởi. Chỉ những người nhất định sẽ thành Bồ-tát mới được gọi là tánh Bồ-tát. Phát tâm như vậy, công đức vô biên, cho dù chư Phật dùng thời gian vô lượng kiếp để tán thán công đức của sự phát tâm này cũng nói không hết.

Văn khuyến phát tâm bồ-đề nói: “Phát tâm bồ-đề là vua trong các điều thiện.” Lại trích lời trong kinh Hoa Nghiêm: “Quên mất tâm Bồ-đề mà tu các thiện pháp thì gọi là ma nghiệp.” Bạn quên mất tâm bồ-đề mà tu đủ loại thiện pháp, đó là làm việc cho ma. Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận nói: “Nên biết tâm bồ-đề là cội nguồn của chư Phật.” Tâm bồ-đề chính là tâm giác ngộ.

Phật là gì? Ba thứ giác ngộ viên mãn chính là Phật. “Vô lượng quang thọ là bốn giác của ta”, chúng sanh là vọng giác, nên thành ra bất giác. Quay lưng với sáu trần, trở lại hợp với bốn giác, gọi là thủy giác. Thủy và bốn không rời, thẳng tiến đến chỗ rốt ráo, đại giác viên mãn, chính là thành Phật. Do đó, tâm bồ-đề là cội nguồn của chư Phật, là huệ mạng của chúng sanh. Chúng ta nên biết, huệ mạng quan trọng hơn sinh mạng của chúng ta ức vạn lần. Bạn có sinh mạng, tức là thọ mạng của thân người, nhưng chưa chắc có huệ mạng. Lấy trí tuệ thậm thâm rộng lớn làm sinh mạng, thì gọi là huệ mạng. Lại nữa, pháp thân của chư Phật lấy trí tuệ làm thọ mạng, cho nên gọi là huệ mạng.

Trong Tứ Giáo Nghi nói, phạm phu thời mạt pháp, ở trong Phật pháp, khởi lên kiến giải đoạn diệt, làm hại huệ mạng, quên mất pháp thân. Có người giữ được sinh mạng, nhưng lại đoạn mất huệ mạng của mình, đây là vì cái nhỏ mà đánh mất cái lớn. Tâm bồ-đề là huệ mạng của chúng sanh, quên mất tâm bồ-đề chính là quên mất huệ mạng, quên mất pháp thân. Do đó trong Phật giáo, ơn thầy nặng hơn ơn cha mẹ. Cha mẹ cho bạn thân thể và sinh mạng, còn thiện tri thức cho bạn huệ mạng. Vì tâm bồ-đề là cội nguồn của Phật và là huệ mạng của chúng sanh, cho nên nói “vừa mới phát tâm này, đã thành Phật đạo.” Phát tâm là nhân, thành Phật là quả. Điều pháp của Viên giáo là nhân quả đồng thời. Do đó, “vừa mới phát tâm, thì thành Chánh giác”. Công đức của tâm bồ-đề không thể nghĩ bàn. Kinh này nói ba bậc vãng sanh đều là phát tâm bồ-đề, nhất hướng chuyên niệm. Có thể thấy, phát tâm bồ-đề là việc quan trọng hàng đầu.

“Tu các công đức, phụng hành sáu ba-la-mật, kiên cố không thoái chuyển, lại đem thiện căn tu được hồi hướng, nguyện sanh về nước con, nhất tâm niệm con, ngày đêm không gián đoạn.”

Đã phát đại tâm, tự nhiên sẽ sanh khởi đại hạnh. Nếu không tu đại hạnh, chứng tỏ tâm mà bạn đã phát chỉ là tâm cuồng vọng. Tu hành có các loại công đức, trước hết là “phụng hành sáu ba-la-mật, kiên cố không thoái chuyển”. Trong các đại hạnh,

trước hết là tin tu lục độ một cách kiên quyết vững chắc, không vì bất kỳ nguyên nhân nào mà thoái chuyển hay thay đổi. “Lại đem thiện căn tu được hồi hướng, nguyện sanh về nước con”, đem các loại thiện căn trong việc tu hành lục độ vạn hạnh hồi hướng cầu sanh thế giới Cực Lạc.

“Nhất tâm niệm con”, “nhất” chỉ cho tín tâm thuần nhất kiên định, tâm này không bị các tâm khác làm thay đổi. Cái gọi là “tâm khác”, như: tâm tham cầu, tâm oán hận, tâm ngu si, tâm dâm dục, v.v., cướp đi tín tâm của bạn. Trong Giáo Hành Tín Chứng nói: Tín tâm chính là tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh chính là nhất tâm. Do đó, nhất tâm chính là tín tâm chân thật, thanh tịnh, thuần nhất. “Nhất tâm niệm con”, trong Chỉ Quán nói: Nhất tâm niệm Phật chính là lúc niệm Phật trong tâm chuyên nhất, chỉ có một câu Phật hiệu này. Lúc niệm Phật cần buông bỏ vạn duyên, không nghĩ điều gì hết, trong tâm không có bất kỳ ý niệm nào khác, niệm như vậy chính là nhất tâm niệm Phật.

Ý nghĩa của “nhất tâm niệm con” trong lời nguyện giống như đại sư Thiện Đạo nói: Nhất tâm chuyên niệm danh hiệu Di-đà, đi cũng niệm, ngồi cũng niệm, nằm cũng niệm, bất kể thời gian dài ngắn, từng niệm từng niệm không rời câu Phật hiệu này. Lúc đó đại sư ở Trường An dạy mọi người niệm Phật, cả thành Trường An không ai là không niệm Phật. Lúc đại sư niệm Phật, mỗi khi niệm một câu Phật, trong miệng liền phóng ra một luồng ánh sáng.

“Ngày đêm không gián đoạn”, Tịnh Tu Tiếp Yếu nói: “Thủy và bồn không rời, thẳng tiến đường giác ngộ, nếu tạm thời trái nghịch, liền rơi vào vô minh.” “Thủy” chỉ cho thủy giác, “bồn” chỉ cho bồn giác. Lại trong Tịnh Ngữ nói: Niệm Phật chính là tự tâm hiện. Cho nên nói rằng, niệm Phật chính là con đường trực tiếp tiến đến đại giác, nếu trong khoảng khắc, đánh mất câu Phật hiệu, liền lập tức rơi vào vô minh. Do vậy trong nguyện đã chỉ ra, hãy nên niệm niệm tiếp nối, ngày đêm đều không gián đoạn.

Mọi người cần chú ý: trì danh vãng sanh xác thực là đạo dễ hành, dễ hơn bất kỳ pháp môn nào khác ức vạn lần, nhưng tuyệt chẳng phải lơ là qua loa mà thành công được. Nguyện này là một mạch xuyên suốt, nếu thực sự đã phát tâm bồ-đề, tất nhiên sẽ đi trên con đường nhất tâm chuyên niệm, không có gián đoạn. Nếu không chịu làm như vậy thì chứng tỏ bạn vẫn chưa thật sự phát tâm bồ-đề.

Tổ sư Ấn Quang khai thị: “Pháp môn Tịnh độ lấy ba pháp tín nguyện hạnh làm tông. Nhất định phải thực sự vì việc liễu sanh thoát tử mà phát tâm đại bồ-đề: trên cầu Phật đạo, dưới độ chúng sanh. Dùng tin sâu nguyện thiết, niệm Phật cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc. Do đó thiền sư Triệt Ngộ nói: Thật vì sanh tử, phát tâm bồ-đề, dùng tín nguyện sâu, trì danh hiệu Phật, mười sáu chữ này là cương lĩnh và tông chỉ lớn của pháp môn niệm Phật. Đây chính là bí quyết cốt yếu và đơn giản nhất.”

“Nhất tâm niệm Phật, quyết chí cầu sanh Tây Phương, bất kể vị tri thức nào bảo tu pháp khác, cũng không thay đổi chí hướng này.”

Hai bài kệ tụng:

(1)

Đạo ở chỗ bình thường
Đừng tìm nơi huyền diệu
Tiếc rằng bạn chẳng hay
Ngày càng xa rời đạo.
Thật thà niệm Di-đà
Vô trụ mà sanh tâm
Khéo vào được vô sanh
Thâm hợp với đạo mầu
Sự trì đạt lý trì
Tâm phàm thành tâm Phật
Công đức quá thù thắng
Đời này thoát lục đạo.

(2)

Phải biết tâm bồ-đề
Là cội nguồn chư Phật
Là huệ mạng chúng sanh.
Quên mất tâm bồ-đề
Tu hành các thiện pháp
Là làm việc cho ma.
Việc thiện, tùy duyên làm

Thành Phật là số một
Phát tâm công đức lớn
Muôn kiếp nói chẳng hết.
Ngàn vạn lần đừng quên
Phải phát tâm bồ-đề.

Hôm nay giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người. A-di-đà Phật.